

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/04/2026**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD8	7:25	19	0		19	0	EC225
2		TD2+PVD8	7:25	16+5	0+0		15+7	0+0	
3		BK8+BK10+PBDA	7:25	0+0+19	0+0+0		0+4+18	0+0+0	chuyen 1 BK8-BK10
4		TD5+TD2 + P1	7:25	7+15	0+0		6+16	0+0	
5		VSP02+RP1+RC5	9:25	21+0+0	0+0+0		12+6+4	0+0+0	
6		P8+TTC2+PBDA	9:25	14+8+0	0+0+0		14+7+1	0+0+0	
7		SAVR+BK3	9:25	20+0	0+0		16+6	0+0	
8		TTCl+BK15+CTK3	11:25	9+11+2	0+0+0		4+9+9	0+0+0	
9		P8+P4+TD2	11:25	14+6+1	0+0+0		10+4+7	0+0+0	
10		BK19+TD5+VSP02	11:25	5+3+13	0+0+0		0+2+20	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ Đi về trong ngày P6(TD2)-7ng, TD5(TTC3)-1ng, PBDA-1ng, vsp02-1ng



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 07:50
B.CARD: TRANG-1	TO: PVD8	CREW: ĐTRUNG - TTRUNG	ETA: 09:50
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/1667	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM THANH THUẬN	PVD8	76,87	2	10			96	PVD DD	Vietnamese
2	VŨ VĂN CUÔNG	PVD8	98	1	4			86	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRUNG KIẾN	PVD8	90	1	9			100	KH-THAC	Vietnamese
4	LY BĂNG	PVD8	97	1	5			82	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO ĐÌNH HUY	PVD8	95-96	2	10			81	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ TRỌNG LĨNH	PVD8	85	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH BÁC	PVD8	89	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRUNG HIỆU	PVD8	91-92	2	16			73	KH-THAC	Vietnamese
9	MẠNH TRƯỜNG KHOA	PVD8	93	1	6			81	YTE	Vietnamese
10	YEE SOON WEI	PVD8	77-78	2	19			64	SCHLUMBE	Bruneian
11	NGUYỄN VĂN BÁC	PVD8	88	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
12	LƯU VĂN TUẤN	PVD8	94	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VIỆT TRƯỜNG	PVD8	80-81	2	13			67	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN QUANG PHƯỚC	PVD8	84	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM XUÂN HOÀNG	PVD8	99	1	6			95	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI MINH HAI	PVD8	82	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM VĂN THUY	PVD8	79	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG HAI HÀ	PVD8	83	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN QUANG	PVD8	86	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	19	1.443	24	143	0	0	19		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.443</b>	<b>24</b>	<b>143</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.443</b>		<b>143</b>		<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.586 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THỦY ANH

CREW

NGUYỄN ĐỨC TRUNG  
NGUYỄN THÀNH TRUNG





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: PVD8 - TD2	CREW: KHOÀN - MTHAO - TOAN	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/1658	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN TIỀN (11743)	PVD8	88	1	7	3	39	69	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN TRUNG KIẾN	PVD8						71	KH-THAC	Vietnamese
3	HOÀNG MẠNH HÙNG	PVD8	89	1	3			87	GETRACO	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH NHAN	PVD8	90	1	5			56	GETRACO	Vietnamese
5	ĐINH VĂN MƯỜI	PVD8	87	1	5			66	GETRACO	Vietnamese
6	NGUYỄN DUY KIẾN	TD2	96	1	6	1	30	80	KHOAN	Vietnamese
7	DƯƠNG CHÍ TUYẾN	TD2						70	KH-THAC	Vietnamese
8	VĂN MINH TÂN	TD2	500	1	9			63	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN ĐOÀ	TD2	41	1	5			56	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HUY HÙNG	TD2	39	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	TD2	98	1	12			58	KH-THAC	Vietnamese
12	HOÀNG TUẤN	TD2	99	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU TOÀN	TD2	42	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
14	MAI MẠNH KHANH CƯỜNG	TD2	45	1	13			78	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ANH DŨNG	TD2						97	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN NGỌC QUYẾT	TD2	40	1	2			73	NIPI	Vietnamese
17	LÂM THỊ HƯƠNG	TD2						66	NIPI	Vietnamese
18	NGUYỄN QUỐC KHANH	TD2	43-44	2	12			85	YTE	Vietnamese
19	BUI THANH LONG	TD2	97	1	10			90	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM NGỌC AN	TD2	46	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN MINH TUẤN	TD2	48	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	5	349	4	20	3	39	7		
2	TD2	16	1.152	14	95	1	30	15		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.501</b>	<b>18</b>	<b>115</b>	<b>4</b>	<b>69</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.501</b>		<b>115</b>		<b>69</b>			

GRAND TOAL: 1.685 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

MAI VĂN THAO



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: PBDA - BK8 - BK10	CREW: HUNG - N.CUONG - THANH	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/1661	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHAM BA DAT	PBDA	95-96	2	11			80	HALLIBUR	Vietnamese
2	PHAM HUY HUNG	PBDA	92-93	2	10			70	MINH MINH	Vietnamese
3	ZHU LIGUO	PBDA	71-72	2	10	1	19	68	YUANCHEN	Chinese
4	ANDREEV KIRILL	PBDA	91	1	10	1	12	92	STEP OILTY	Russian
5	NGUYEN VAN THUC	PBDA	79	1	16	2	46	85	KHOAN	Vietnamese
6	BUI MANH PHUC	PBDA	78	1	6			75	KHOAN	Vietnamese
7	NIKITIN N. I.	PBDA						86	ANTOAN	Russian
8	PHAM HONG QUY	PBDA	76	1	10	1	23	74	DVL	Vietnamese
9	NGO THANH SON	PBDA	77	1	12			79	DVL	Vietnamese
10	ISKORNEV VIKTOR	PBDA	88-89	2	13	1	10	130	AMHTP	Russian
11	ILIN ALEKSANDR	PBDA	82	1	11			103	AMHTP	Russian
12	DAIANOV BORIS	PBDA	83	1	8			82	AMHTP	Russian
13	BOCHAROV SERGEI	PBDA	86-87	2	14			66	AMHTP	Russian
14	KOROBKA DMITRY	PBDA	84-85	2	15			86	AMHTP	Russian
15	PHAN DANG TUAN	PBDA	81	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN DINH QUANG	PBDA	97	1	11			65	KH-THAC	Vietnamese
17	DO HONG VAN	PBDA	99	1	9	1	12	66	XAYLAP	Vietnamese
18	DO VAN BINH	PBDA	01	1	14	1	18	65	XAYLAP	Vietnamese
19	HOANG NGOC HOA	PBDA	80	1	6			63	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PBDA	19	1.507	24	192	8	140	18		
2	BK8	0	0	0	0	1	9	0 <sup>+</sup>	CHUYEN I PAX BK8-BK10	
3	BK10	0	0	0	0	0	0	4		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.507</b>	<b>24</b>	<b>192</b>	<b>9</b>	<b>149</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.507</b>		<b>192</b>		<b>149</b>			

GRAND TOAL: 1.848 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI MY HANH

CREW

LÊ QUÝ HUNG

PHAN NHU CUONG





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: TD5 - TD2 - P7	CREW: QVIỆT - SƠN - THỤ	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/1664	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	BACH ANH TUAN	TD5	67	1	5	3	45	66	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN XUÂN	TD5	66	1	4			73	DK9	Vietnamese
3	PHẠM VŨ NHẬT QUANG	TD5	68-69	2	19			77	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ XUÂN TRUNG	TD5	65	1	3			87	KH-THAC	Vietnamese
5	TÔ TIỀN DŨNG	TD5	70-72	3	16			76	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG TRUNG HẬU	TD5	73	1	7	1	15	68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC XUÂN	TD5	63-64	2	13			60	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN HUY THÔNG	TD2	13	1	4			80	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ ĐÌNH HUÂN	TD2	06	1	4			48	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ NGUYỄN KHANH DUY	TD2	09-10	2	15			56	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN PHỤ	TD2	300	1	4			81	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG TRỌNG PHÚC	TD2	11	1	11			71	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN ĐỨC NGUYỄN	TD2	14	1	9			59	KH-THAC	Vietnamese
14	CAO MINH HOÀNG	TD2	08	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
15	EVGENII MIKHAILOV	TD2	02	1	3			87	D-HANH	Russian
16	LÊ TUÂN ANH	TD2						68	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ VĂN MẠNH	TD2						77	ANTOAN	Vietnamese
18	LÀ VĂN NAM	TD2	04-05	2	15			78	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	TD2	12	1	4			66	PSV	Vietnamese
20	ĐỖ KHẮC ĐÀ	TD2	07	1	6			65	PSV	Vietnamese
21	PHẠM THANH HUNG	TD2	01	1	4			63	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN DUY KHANH	TD2	03	1	6			92	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	7	507	11	67	4	60	6		
2	TD2	15	1.067	15	92	0	0	15		
3	P7	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	1.574	26	159	4	60	22		
WEIGHT KG			1.574		159		60			

GRAND TOAL: 1.793 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT  
PHẠM THÁI SƠN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: VSP02 - RP1 - RC5	CREW: XHOÀN - MTHAO - TOAN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/1659	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ THANH HAI	VSP02	01	1	7	3	38	97	KH-THAC	Vietnamese
2	IANDAN E.	VSP02	08	1	17			84	KH-THAC	Russian
3	GURIN V.V.	VSP02	06-07	2	18			103	KH-THAC	Russian
4	ĐỖ QUANG HUNG	VSP02	02-03	2	15			69	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐINH TRƯƠNG PHI	VSP02	13	1	9			73	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN VĂN THUYỀN	VSP02	14-16	3	20			72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGÔ ĐỨC CHU	VSP02	09	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HOANG LONG	VSP02	22	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN GIA LONG	VSP02	18	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ MẠNH HUNG	VSP02	05	1	8			75	ANTOAN	Vietnamese
11	VŨ TIỀN NGỌC	VSP02						82	DK9	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN PHŨ	VSP02	17	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM HỮU ĐẠT	VSP02	21	1	10			75	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG NHẬT MINH	VSP02	12	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN QUỐC HOÀN	VSP02	04	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN MINH TUẤN THỊNH	VSP02	25-26	2	17			97	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN KHANH	VSP02	23-24	2	17			63	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN MINH ĐÀN	VSP02	20	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG TẤN	VSP02	11	1	5			89	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN QUỐC CHIẾN	VSP02	19	1	8			79	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM TRỌNG TUẤN	VSP02	10	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP02	21	1.617	26	193	3	38	12		
2	RP1	0	0	0	0	0	0	6		
3	RC5	0	0	0	0	0	0	4		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.617</b>	<b>26</b>	<b>193</b>	<b>3</b>	<b>38</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.617</b>		<b>193</b>		<b>38</b>			

GRAND TOAL: 1.848 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN   
MAI VĂN THAO



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
B.CARD: VANG-2	TO: P8 - TTC2 - PBDA	CREW: HUNG - N.CUONG - THANH	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM26/1662	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	FOK S.I.	P8	500	1	8			126	KHOAN	Russian
2	SOTRIVEX IGOR	P8	99	1	8			108	KHOAN	Russian
3	BUI TRUNG HIEU	P8	97	1	9			87	KHOAN	Vietnamese
4	ĐINH QUANG TRUNG	P8	98	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ HOANG LONG	P8	90	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN KHANH DUY	P8	94	1	10			80	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN ANH TRI	P8	92-93	2	17			60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TÚ THANG	P8	83-84	2	8			61	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM THỂ CHINH	P8	88	1	10			60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN DUNG	P8	96	1	6			71	ANTOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN NHAN	P8	89	1	5			72	YTE	Vietnamese
12	NGÔ VĂN ĐÓN	P8	91	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VĂN TÂN	P8	85,87	2	11			65	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ DUY TRƯỜNG	P8	95	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU DUNG	TTC2	70	1	8	1	12	54	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ ĐỨC THANG	TTC2	63	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG VAN THUC	TTC2	69	1	7			51	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRƯỜNG AN	TTC2	71	1	11			84	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TUẤN MINH	TTC2	68	1	9			77	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN LAM	TTC2	64	1	7			70	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	TTC2	66	1	15	1	10	77	CODIEN	Vietnamese
22	PHẠM HỒNG ĐIỂN	TTC2	67	1	8			67	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	14	1.081	17	114	0	0	14		
2	TTC2	8	560	8	72	2	22	7		
3	PBDA	0	0	0	0	0	0	1		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.641</b>	<b>25</b>	<b>186</b>	<b>2</b>	<b>22</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.641</b>		<b>186</b>		<b>22</b>			

GRAND TOAL: 1.849 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HƯNG

PHAN NHƯ CƯỜNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 10:00
B.CARD: TRANG-2	TO:SAVR- BK3	CREW: QVIỆT - SON - THỤ	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM26/1665	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN CAO TRUNG	SAVR	61	1	9			67	PVD LOGGI	Vietnamese
2	HỒ SỸ CƯỜNG	SAVR	62-63	2	12			81	PVD LOGGI	Vietnamese
3	PHẠM XUÂN VINH PHÚC	SAVR	55	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ ANH VŨ	SAVR	50	1	8			76	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THẾ QUANG	SAVR	47	1	13			76	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÌNH VĂN TÂM	SAVR	58	1	13			62	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM LÊ TUẤN ANH	SAVR	48-49	2	11			68	KH-THAC	Vietnamese
8	VOICHENKO IGOR	SAVR	69-70	2	15			97	AMHFP	Russian
9	TARATONOV IURII	SAVR	71-72	2	17	1	8	81	AMHFP	Russian
10	MAMATOV DENIS	SAVR	67-68	2	13	2	20	87	AMHFP	Russian
11	KARPOV KIRILL	SAVR	73	1	6			83	AMHFP	Russian
12	TOLMACHEV ALEKSANDR	SAVR	74	1	8			96	AMHFP	Russian
13	NGUYỄN HỮU KHOA	SAVR	64	1	4			50	AMHFP	Vietnamese
14	LÂM VĂN NGHĨA	SAVR	51	1	8			81	AMHFP	Vietnamese
15	TRẦN QUANG THÁI	SAVR	52	1	8			63	AMHFP	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TIẾN (12941)	SAVR	57	1	9			73	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN ĐƯƠNG	SAVR	56	1	10			65	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG VĂN THÀNH	SAVR	53-54	2	10			73	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN DÂN	SAVR	59-60	2	11			62	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN TIẾN	SAVR	65-66	2	12			65	DMC-MI	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	20	1.478	28	204	3	28	16		
2	BK3	0	0	0	0	3	40	6		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.478</b>	<b>28</b>	<b>204</b>	<b>6</b>	<b>68</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.478</b>		<b>204</b>		<b>68</b>			

GRAND TOAL: 1.750 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

PHẠM THÁI SON



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: NAU-3	TO: TTC1 - BK15 - CTK3	CREW: XHOÀN - N.ANH - NNAM	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM26/1660	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHÙNG HÀ TÀI	TTC1	71	1	6			112	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ HÙNG TUẤN	TTC1	59	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM TRUNG THUY	TTC1	60	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG LONG HAI	TTC1	61	1	7			89	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN KHÁNH HUNG	TTC1	68	1	10			78	CODIEN	Vietnamese
6	PHẠM VĂN DŨNG	TTC1	67	1	13			53	CODIEN	Vietnamese
7	TRẦN PHU	TTC1	69-70	2	15			66	CODIEN	Vietnamese
8	PHẠM THẾ VIỆT	TTC1	66	1	10	1	14	66	CODIEN	Vietnamese
9	QUÁCH SỸ TỶ	TTC1	62-64	3	19			68	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC HAI	BK15	61-62	2	11			65	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN MINH QUÂN	BK15	58	1	11			81	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI VĂN THOẠI	BK15	66-67	2	7			66	YTE	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	BK15	59	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	BK15	64	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HOÀNG KHA	BK15	60	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG QUỐC VIỆN	BK15	63	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
17	NGO VĂN CHUNG	BK15	69	1	10			79	KH-THAC	Vietnamese
18	VU ĐỨC DŨNG	BK15	68	1	11			85	KH-THAC	Vietnamese
19	VU ANH TÙNG	BK15	65	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN VĂN VIỆT	BK15	71	1	5	1	17	70	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN VIỆT LONG	CTK3	15	1	10	1	12	73	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	CTK3	14	1	6	2	17	45	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TTC1	9	671	12	88	1	14	4		
2	BK15	11	800	13	80	1	17	9		
3	CTK3	2	118	2	16	3	29	9	NB RA GHÉ PHỤ : PHẠM HỮU TÙNG - VÈ: ĐƯƠNG QUỐC VU	
TOTAL		22	1.589	27	184	5	60	22		
WEIGHT KG			1.589		184		60			

GRAND TOAL: 1.833 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

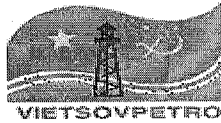
CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN  
NGHIÊM VIỆT ANH





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
B.CARD: XANH-3	TO: P8 - P4 - TD2	CREW: DUONG - N.CUONG - HIEU	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 09		VNHS FLIGHT: TM26/1663	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	HỒ CHÈ LINH	P8	21	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN CÔNG TÍNH	P8	20	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN BA ĐẠT	P8	35	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN LỢI	P8						71	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH VINH	P8	28	1	5			82	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT HOÀ	P8	26	1	8			63	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN NAM HUY	P8	27	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VŨ HÙNG	P8	22-23	2	18			67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TIỀN VŨ	P8	34	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ CHÍ THANH	P8	29-30	2	19			76	DVL	Vietnamese
11	NGUYỄN HUY HIỆU	P8	31	1	12			54	DVL	Vietnamese
12	NGUYỄN HAI NAM	P8	32-33	2	20			68	DVL	Vietnamese
13	NGUYỄN TẤN PHÁT	P8	25	1	7			80	PSV	Vietnamese
14	LŨ TRƯỜNG GIANG	P8	24	1	5			83	PSV	Vietnamese
15	LÊ VĂN ĐỨC	P4	56-57	2	20	2	38	62	SGC	Vietnamese
16	ĐẶNG MINH QUẢN	P4	55	1	8			63	SGC	Vietnamese
17	PEREKRESTOV P.V	P4	58	1	7			105	D-HANH	Russian
18	KARAMARENKO V.V.	P4	53	1	5			68	KH-THAC	Russian
19	PONOMARENKO E.N.	P4	54	1	8			86	KHI	Russian
20	NGUYỄN VIỆT MINH HOANG	P4	59	1	3			80	ANTOAN	Vietnamese
21	LÊ ĐỨC CUÔNG (1967)	TD2	15	1	7	1	4	54	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	14	995	16	120	0	0	9		
2	P4	6	464	7	51	2	38	4		
3	TD2	1	54	1	7	1	4	9		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.513</b>	<b>24</b>	<b>178</b>	<b>3</b>	<b>42</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.513</b>		<b>178</b>		<b>42</b>			

GRAND TOAL: 1.733 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

BUI HOÀNG DƯƠNG

PHAN NHƯ CUÔNG

# FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:20
B.CARD: CAM-3	TO: BK19 - TD5 - VSP02	CREW: QVIỆT - ĐNAM - HUY	ETA: 14:10
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM26/1666	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VU XUÂN QUY	BK19	86	1	9	2	31	100	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN DUONG HOE	BK19	83	1	8	1	18	71	KH-THAC	Vietnamese
3	LE TRUNG TUAN	BK19	87	1	14			72	KH-THAC	Vietnamese
4	LE CONG NAM	BK19	84	1	12			70	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI ĐỨC KHANH	BK19	85	1	7			53	PSV	Vietnamese
6	PHẠM TRUNG HIẾU	TD5	80	1	9	3	63	73	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN DUY KHANH	TD5	78	1	8	1	21	76	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN XUÂN HOA	TD5						72	PSV	Vietnamese
9	NGO ĐỨC TRI	VSP02	35	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TRỌNG CƯỜNG	VSP02	34	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN MINH ĐỨC	VSP02	30-31	2	7			69	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HUY HOANG	VSP02	33	1	8			95	KH-THAC	Vietnamese
13	LE HAI NAM	VSP02	45	1	9			91	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN THUY	VSP02	36	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN XUÂN QUANG	VSP02	44	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐINH THE ANH	VSP02	41	1	9			72	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN BẢO ANH	VSP02	39-40	2	20			84	KH-THAC	Vietnamese
18	LA NGỌC MẠNH	VSP02	37-38	2	12			62	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN CHIẾN THẮNG	VSP02	43	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN ĐỨC LUAN	VSP02	42	1	3			82	PSV	Vietnamese
21	HA VAN THUAN	VSP02	32	1	5			56	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK19	5	366	5	50	3	49	0		
2	TD5	3	221	2	17	4	84	2		
3	VSP02	13	942	16	96	0	0	20		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.529</b>	<b>23</b>	<b>163</b>	<b>7</b>	<b>133</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.529</b>		<b>163</b>		<b>133</b>			

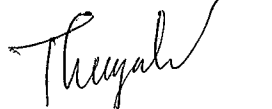
GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.



NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.



ĐẶNG THÚY ANH

CREW



NGUYỄN QUANG VIỆT

NGUYỄN ĐỨC NAM

